

Số: 46/QĐ-THĐS

Nam Đồng, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 3 tháng năm 2026 của Trường Tiểu học Đồng Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào bảng đối chiếu tình hình sử dụng NSNN tại KBNN Quý I năm 2026 của trường tiểu học Đồng Sơn.

Xét đề nghị của Tổ tài vụ trường Tiểu học Đồng Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 3 tháng năm 2026 của Trường Tiểu học Đồng Sơn.

(Theo biểu thuyết minh và biểu 75 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Ban giám hiệu, bộ phận tài vụ và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KT
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đoàn Thị Chi

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN 3 THÁNG NĂM 2025

I/ Tổng kinh phí đã thực hiện:

3 331 606 018 đồng

Trong đó: 1, Kinh phí tự chủ:

2 786 356 018 đồng

2. Kinh phí không tự chủ:

545 250 000 đồng

2.1, Kinh phí không tự chủ:

545 250 000 đồng

Thuyết minh chi tiết

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
I	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	2.786.356.018	
1	Tiền lương	1.344.071.000	
	Lương theo ngạch, bậc	1.344.071.000	
1	Tiền công	53.135.500	
	Tiền công hợp đồng thường xuyên	53.135.500	
2	Phụ cấp lương	800.875.000	
	Phụ cấp chức vụ	32.723.500	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	468.447.500	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	702.000	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	297.598.000	
	Phụ cấp khác	1.404.000	
3	Tiền thưởng	0	
	Thưởng khác	0	
4	Phúc lợi tập thể	101.150.000	
	Chi khác	101.150.000	
5	Các khoản đóng góp	359.795.000	
	Bảo hiểm xã hội	292.856.000	
	Bảo hiểm y tế	50.205.000	
	Bảo hiểm thất nghiệp	16.734.000	
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	7.160.400	
	Chi khác	7.160.400	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.086.318	
	Tiền điện	9.086.318	
	Tiền vệ sinh, môi trường		
8	Vật tư văn phòng	19.710.000	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	
	Văn phòng phẩm		
	Khoán văn phòng phẩm	1.350.000	
	Vật tư văn phòng khác	18.360.000	
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	



	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		
	Khác		
10	Hội nghị	21.590.000	
	Các khoản thuê mướn khác	12.960.000	
	Chi bù tiền ăn		
	Chi phí khác	8.630.000	
11	Công tác phí	2.000.000	
	Phụ cấp Công tác phí		
	Khoản công tác phí	2.000.000	
12	Chi phí thuê mướn	18.000.000	
	Thuê phương tiện vận chuyển	0	
	Thuê lao động trong nước	18.000.000	
	Chi phí thuê mướn khác	0	
13	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	18.058.000	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	15.578.000	
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	2.480.000	
14	Chi khác	0	
	Chi các khoản khác	0	
15	Chi cho các sự kiện lớn	31.724.800	
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	31.724.800	
II	KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	545.250.000	
1	Cấp bù học phí cho CSGD theo chế độ	545.250.000	
1	Thiết bị công nghệ thông tin	0	
2	Hàng hóa dịch vụ	0	
3	Các khoản khác	0	
2	Mua sắm tài sản vô hình	0	
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		
	Tổng cộng	3.331.606.018	

Nam Đồng, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Thị Chi

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo quyết định số 46/QĐ-THDS ngày 07/4/2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Đồng Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 3 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Học phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp từ học phí	0	0	0	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.222.246	3.331.606	27	115
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.222.246	3.331.606	27	115
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	12.222.246	3.331.606	27	115
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.669.460	2.786.356	26	98
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.552.786	545.250	35	991
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

NG
ING
HỌ
SỐ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Nam Đồng, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Thị Chi